CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
ĐC: 48/2A đường Bình Hoà 13, KP. Bình Đáng, P. Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01893/2025/KQTN

10/12/2025

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI 3
2. **Địa chỉ** : Ấp 2B, xã Xuân Bắc, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
3. **Ngày lấy mẫu** : 01/12/2025
4. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
5. **Loại mẫu** : Nước dưới đất
6. **Ký hiệu và mô tả mẫu** : 251201_03NN1: Nước ngầm tại giếng khoan của trại – X: 11°4'12.49"; Y: 107°19'52.49"
7. **Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu** : TCVN 6663-11:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 11: Hướng dẫn lấy mẫu nước ngầm.
   TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
   TCVN 6663-3: 2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
   TCVN 6663-14:2018 - Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý.
   TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.
8. **Kết quả đo đạc, phân tích** :

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp đo đạc, phân tích
			251201_03NN1		
1.	pH(1) (a)	-	6,94	5,8 – 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$)(1)(a)	mg/L	76,1	500	SMEWW 2340C:2023
3.	TSS(1)	mg/L	KPH MDL=2	-	TCVN 6625:2000
4.	Amoni (N_NH_4^+)(1) (a)	mg/L	0,12	1,0	TCVN 6179 – 1:1996
5.	Clorua (Cl^-)(1) (a)	mg/L	<10 LOQ=10	250	TCVN 6194:1996
6.	Nitrit (N_NO_2^-)(1) (a)	mg/L	KPH MDL=0,004	1,0	SMEWW 4500-NO_2^-.B:2023
7.	Nitrat (N_NO_3^-)(1) (a)	mg/L	0,68	15	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2023
8.	Sulfua (S^{2-})(1) (a)	mg/L	KPH MDL=0,014	-	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2023
9.	Tổng Coliform(1)	MPN/ 100mL	KPH MDL=2	3	SMEWW 9221B:2023
10.	E. Coli(1)	MPN/ 100mL	KPH MDL=2	Không phát hiện	SMEWW 9221B&F:2023

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- *(1) Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *(a) Thông số được Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam công nhận;*
- *QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.*
- *KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện LOQ: Ngưỡng định lượng*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT

NGUYỄN THỊ HUYỀN

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
ĐC: 48/2A đường Bình Hoà 13, KP. Bình Đáng, P. Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

VACI VALAS 073 | ilac-MRA | VIMCERTS 206

Số: 01893/2025/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

10/12/2025

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI 3
2. **Địa chỉ** : Ấp 2B, xã Xuân Bắc, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
3. **Ngày lấy mẫu** : 01/12/2025
4. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
5. **Loại mẫu** : Nước dưới đất
6. **Ký hiệu và mô tả mẫu** : 251201_03NN1: Nước ngầm tại giếng khoan của trại – X: 11°4'12.49"; Y: 107°19'52.49"
7. **Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu** : TCVN 6663-11:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 11: Hướng dẫn lấy mẫu nước ngầm.
TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 6663-3: 2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 6663-14:2018 - Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý.
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8. **Kết quả đo đạc, phân tích** :

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả 251201_03NN1	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp đo đạc, phân tích
1.	pH[(1)(a)]	-	6,94	5,8 – 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$)[(1)(a)]	mg/L	76,1	500	SMEWW 2340C:2023
3.	TSS[(1)]	mg/L	KPH MDL=2	-	TCVN 6625:2000
4.	Amoni ($N_NH_4^+$)[(1)(a)]	mg/L	0,12	1,0	TCVN 6179 – 1:1996
5.	Clorua (Cl^-)[(1)(a)]	mg/L	<10 LOQ=10	250	TCVN 6194:1996
6.	Nitrit ($N_NO_2^-$)[(1)(a)]	mg/L	KPH MDL=0,004	1,0	SMEWW 4500-NO_2^-.B:2023
7.	Nitrat ($N_NO_3^-$)[(1)(a)]	mg/L	0,68	15	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2023
8.	Sulfua (S^{2-})[(1)(a)]	mg/L	KPH MDL=0,014	-	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2023
9.	Tổng Coliform[(1)]	MPN/ 100mL	KPH MDL=2	3	SMEWW 9221B:2023
10.	E. Coli[(1)]	MPN/ 100mL	KPH MDL=2	Không phát hiện	SMEWW 9221B&F:2023

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;
- *[(1)] Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *[(a)] Thông số được Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam công nhận;*
- *QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.*
- *KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện LOQ: Ngưỡng định lượng*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT

NGUYỄN THỊ HUYỀN

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

VACI VALAS 073 | ilac-MRA | VIMCERTS 286

Số: 00733/2025/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

27/06/2025

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI 3
2. **Địa chỉ** : Ấp 2, xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
3. **Ngày lấy mẫu** : 18/06/2025
4. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
5. **Loại mẫu** : Không khí xung quanh
6. **Kết quả đo đạc, phân tích** :

Bảng 1:

Vị trí đo	Nhiệt độ[(1)] (°C)	Độ ẩm[(1)] (%)	Tốc độ gió[(1)] (m/s)	Tiếng ồn[(1)] (dBA)
Khu vực đầu trại X: 11°4'13.85"; Y: 107°19'53.45"	32,4	63,9	0,4	60,3
Khu vực cuối trại X: 11°4'14.41"; Y: 107°19'53.72"	32,3	63,6	0,3	60,2
Khu vực chuồng trại 1 X: 11°4'15.24"; Y: 107°20'0.94"	32,4	63,7	0,4	58,3
Khu vực chuồng trại 2 X: 11°4'14.43"; Y: 107°19'52.24"	32,3	63,5	0,4	52,7
QCVN 26:2010/BTNMT	-	-	-	**≤ 70**
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	QCVN 46 : 2022/BTNMT			TCVN 7878-2:2018

Bảng 2:

Vị trí đo	Bụi[(1)] (mg/Nm^3)	NO_2[(1)] (mg/Nm^3)	SO_2[(1)] (mg/Nm^3)	CO[(1)] (mg/Nm^3)	NH_3[(1)] (mg/Nm^3)	H_2S[(1)] (mg/Nm^3)
Khu vực đầu trại X: 11°4'13.85"; Y: 107°19'53.45"	0,22	0,056	0,060	5,87	KPH MDL=0,012	KPH MDL=0,006
Khu vực cuối trại X: 11°4'14.41"; Y: 107°19'53.72"	0,24	0,055	0,069	5,70	KPH MDL=0,012	KPH MDL=0,006
Khu vực chuồng trại 1 X: 11°4'15.24"; Y: 107°20'0.94"	0,20	0,055	0,066	5,85	KPH MDL=0,012	KPH MDL=0,006
Khu vực chuồng trại 2 X: 11°4'14.43"; Y: 107°19'52.24"	0,20	0,058	0,065	5,78	KPH MDL=0,012	KPH MDL=0,006
QCVN 05:2023/BTNMT	**≤ 0,3**	**≤ 0,2**	**≤ 0,35**	**≤ 30**	**≤ 0,2**	**≤ 0,042**
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HDPT-31-KHI CO	TCVN 5293:1995	MASA 701

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- *[(1)] Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn*
- *QCVN 05 : 2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí*
- *KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3702911... C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT TP. THUẬN AN - T. BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN THỊ HUYỀN

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

VACI VALAS 073 | ilac-MRA | VIMCERTS 286

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00734/2025/KQTN 27/06/2025

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI 3
2. **Địa chỉ** : Ấp 2, xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
3. **Ngày lấy mẫu** : 18/06/2025
4. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
5. **Loại mẫu** : Không khí môi trường lao động
6. **Kết quả đo đạc, phân tích** :

Bảng 1:

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn (dBA)
Khu vực công nhân X: 11°4'14.59"; Y: 107°19'51.44"	31,5	64,4	0,3	61,2
QCVN 24:2016/BYT	-	-	-	**≤ 85**
QCVN 26:2016/BYT	**18 – 32**	**40 – 80**	**0,2 – 1,5**	-
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	QCVN 46 : 2022/BTNMT			TCVN 7878-2:2018

Bảng 2:

Vị trí đo	Bụi (mg/m³)	NO_2 (mg/m³)	SO_2 (mg/m³)	CO (mg/m³)	NH_3 (mg/m³)	H_2S (mg/m³)
Khu vực công nhân X: 11°4'14.59"; Y: 107°19'51.44"	0,24	0,060	0,069	6,01	KPH	KPH
QCVN 02:2019/BYT	**≤ 8**	-	-	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT	-	**≤ 5**	**≤ 5**	**≤ 20**	**≤ 17**	**≤ 10**
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HDPT-31-KHI CO	TCVN 5293:1995	MASA 701

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- *QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc*
- *QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc*
- *QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc*
- *QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc*
- *KPH: Không phát hiện*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3702915626 CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT T.P THUẬN AN - T. BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN THỊ HUYỀN

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

VACI VALAS 073 | ilac-MRA | VIMCERTS 286

Số: 00737/2025/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

27/06/2025

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI 3
2. **Địa chỉ** : Ấp 2, xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
3. **Ngày lấy mẫu** : 18/06/2025
4. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
5. **Loại mẫu** : Nước dưới đất
6. **Ký hiệu và mô tả mẫu** : 250618_02NN1: Nước ngầm tại giếng khoan của trại – X: 11°4'12.49"; Y: 107°19'52.49"
7. **Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu** : TCVN 6663-11:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 11: Hướng dẫn lấy mẫu nước ngầm.
TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 6663-3: 2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 6663-14:2018 - Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý.
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8. **Kết quả đo đạc, phân tích** :

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp đo đạc, phân tích
			250618_ 02NN1		
1.	pH[(1)(a)]	-	6,34	5,8 – 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$)[(1)(a)]	mg/L	65,5	500	SMEWW 2340C:2023
3.	TSS[(1)]	mg/L	<6 LOQ=6	-	TCVN 6625:2000
4.	Amoni ($N_NH_4^+$)[(1)(a)]	mg/L	KPH MDL=0,01	1,0	TCVN 6179 – 1:1996
5.	Clorua (Cl^-)[(1)(a)]	mg/L	<10 LOQ=10	250	TCVN 6194:1996
6.	Nitrit ($N_NO_2^-$)[(1)(a)]	mg/L	KPH MDL=0,004	1,0	SMEWW 4500-NO_2^-.B:2023
7.	Nitrat ($N_NO_3^-$)[(1)(a)]	mg/L	0,13	15	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2023
8.	Sulfua (S^{2-})[(1)(a)]	mg/L	KPH MDL=0,014	-	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2023
9.	Tổng Coliform[(1)]	MPN/ 100mL	KPH MDL=2	3	SMEWW 9221B:2023
10.	E. Coli[(1)]	MPN/ 100mL	KPH MDL=2	Không phát hiện	SMEWW 9221B&F:2023

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;
- *(1) Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *(a) Thông số được Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam công nhận;*
- *QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.*
- *KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện LOQ: Ngưỡng định lượng*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ HUYỀN

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00733/2025/KQTN 27/06/2025

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI 3
2. **Địa chỉ** : Ấp 2, xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
3. **Ngày lấy mẫu** : 18/06/2025
4. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
5. **Loại mẫu** : Không khí xung quanh
6. **Kết quả đo đạc, phân tích** :

Bảng 1:

Vị trí đo	Nhiệt độ[(1)] (°C)	Độ ẩm[(1)] (%)	Tốc độ gió[(1)] (m/s)	Tiếng ồn[(1)] (dBA)
Khu vực đầu trại X: 11°4'13.85"; Y: 107°19'53.45"	32,4	63,9	0,4	60,3
Khu vực cuối trại X: 11°4'14.41"; Y: 107°19'53.72"	32,3	63,6	0,3	60,2
Khu vực chuồng trại 1 X: 11°4'15.24"; Y: 107°20'0.94"	32,4	63,7	0,4	58,3
Khu vực chuồng trại 2 X: 11°4'14.43"; Y: 107°19'52.24"	32,3	63,5	0,4	52,7
QCVN 26:2010/BTNMT	-	-	-	**≤ 70**
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	QCVN 46 : 2022/BTNMT			TCVN 7878-2:2018

Bảng 2:

Vị trí đo	Bụi[(1)] (mg/Nm^3)	NO_2[(1)] (mg/Nm^3)	SO_2[(1)] (mg/Nm^3)	CO[(1)] (mg/Nm^3)	NH_3[(1)] (mg/Nm^3)	H_2S[(1)] (mg/Nm^3)
Khu vực đầu trại X: 11°4'13.85"; Y: 107°19'53.45"	0,22	0,056	0,060	5,87	KPH MDL=0,012	KPH MDL=0,006
Khu vực cuối trại X: 11°4'14.41"; Y: 107°19'53.72"	0,24	0,055	0,069	5,70	KPH MDL=0,012	KPH MDL=0,006
Khu vực chuồng trại 1 X: 11°4'15.24"; Y: 107°20'0.94"	0,20	0,055	0,066	5,85	KPH MDL=0,012	KPH MDL=0,006
Khu vực chuồng trại 2 X: 11°4'14.43"; Y: 107°19'52.24"	0,20	0,058	0,065	5,78	KPH MDL=0,012	KPH MDL=0,006
QCVN 05:2023/BTNMT	**≤ 0,3**	**≤ 0,2**	**≤ 0,35**	**≤ 30**	**≤ 0,2**	**≤ 0,042**
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HDPT-31-KHI CO	TCVN 5293:1995	MASA 701

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;
- *[(1)] Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn*
- *QCVN 05 : 2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí*
- *KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT

NGUYỄN THỊ HUYỀN

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

VACI VALAS 073 | ilac-MRA | VIMCERTS 286

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00734/2025/KQTN 27/06/2025

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI 3
2. **Địa chỉ** : Ấp 2, xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
3. **Ngày lấy mẫu** : 18/06/2025
4. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
5. **Loại mẫu** : Không khí môi trường lao động
6. **Kết quả đo đạc, phân tích** :

Bảng 1:

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn (dBA)
Khu vực công nhân X: 11°4'14.59"; Y: 107°19'51.44"	31,5	64,4	0,3	61,2
QCVN 24:2016/BYT	-	-	-	**≤ 85**
QCVN 26:2016/BYT	**18 – 32**	**40 – 80**	**0,2 – 1,5**	-
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	QCVN 46 : 2022/BTNMT			TCVN 7878-2:2018

Bảng 2:

Vị trí đo	Bụi (mg/m^3)	NO_2 (mg/m^3)	SO_2 (mg/m^3)	CO (mg/m^3)	NH_3 (mg/m^3)	H_2S (mg/m^3)
Khu vực công nhân X: 11°4'14.59"; Y: 107°19'51.44"	0,24	0,060	0,069	6,01	KPH	KPH
QCVN 02:2019/BYT	**≤ 8**	-	-	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT	-	**≤ 5**	**≤ 5**	**≤ 20**	**≤ 17**	**≤ 10**
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HDPT-31-KHI CO	TCVN 5293:1995	MASA 701

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo
- *QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc*
- *QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc*
- *QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc*
- *QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc*
- *KPH: Không phát hiện*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3702915620 C.T.T.N.H.H MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT TP. THUẬN AN - T. BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN THỊ HUYỀN

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

VACI VALAS 073 | ilac-MRA | VIMCERTS 286

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00737/2025/KQTN — 27/06/2025

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI 3
2. **Địa chỉ** : Ấp 2, xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
3. **Ngày lấy mẫu** : 18/06/2025
4. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
5. **Loại mẫu** : Nước dưới đất
6. **Ký hiệu và mô tả mẫu** : 250618_02NN1: Nước ngầm tại giếng khoan của trại – X: 11°4'12.49"; Y: 107°19'52.49"
7. **Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu** : TCVN 6663-11:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 11: Hướng dẫn lấy mẫu nước ngầm.
TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 6663-3: 2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 6663-14:2018 - Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý.
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8. **Kết quả đo đạc, phân tích** :

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả 250618_02NN1	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp đo đạc, phân tích
1.	pH(1)(a)	-	6,34	5,8 – 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$)(1)(a)	mg/L	65,5	500	SMEWW 2340C:2023
3.	TSS(1)	mg/L	<6 LOQ=6	-	TCVN 6625:2000
4.	Amoni ($N_NH_4^+$)(1)(a)	mg/L	KPH MDL=0,01	1,0	TCVN 6179 – 1:1996
5.	Clorua (Cl^-)(1)(a)	mg/L	<10 LOQ=10	250	TCVN 6194:1996
6.	Nitrit ($N_NO_2^-$)(1)(a)	mg/L	KPH MDL=0,004	1,0	SMEWW 4500-NO_2^-.B:2023
7.	Nitrat ($N_NO_3^-$)(1)(a)	mg/L	0,13	15	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2023
8.	Sulfua (S^{2-})(1)(a)	mg/L	KPH MDL=0,014	-	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2023
9.	Tổng Coliform(1)	MPN/ 100mL	KPH MDL=2	3	SMEWW 9221B:2023
10.	E. Coli(1)	MPN/ 100mL	KPH MDL=2	Không phát hiện	SMEWW 9221B&F:2023

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;
- *(1) Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *(a) Thông số được Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam công nhận;*
- *QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.*
- *KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện LOQ: Ngưỡng định lượng*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT

NGUYỄN THỊ HUYỀN

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00733/2025/KQTN 27/06/2025

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI 3
2. **Địa chỉ** : Ấp 2, xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
3. **Ngày lấy mẫu** : 18/06/2025
4. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
5. **Loại mẫu** : Không khí xung quanh
6. **Kết quả đo đạc, phân tích** :

Bảng 1:

Vị trí đo	Nhiệt độ[(1)] (°C)	Độ ẩm[(1)] (%)	Tốc độ gió[(1)] (m/s)	Tiếng ồn[(1)] (dBA)
Khu vực đầu trại X: 11°4'13.85"; Y: 107°19'53.45"	32,4	63,9	0,4	60,3
Khu vực cuối trại X: 11°4'14.41"; Y: 107°19'53.72"	32,3	63,6	0,3	60,2
Khu vực chuồng trại 1 X: 11°4'15.24"; Y: 107°20'0.94"	32,4	63,7	0,4	58,3
Khu vực chuồng trại 2 X: 11°4'14.43"; Y: 107°19'52.24"	32,3	63,5	0,4	52,7
QCVN 26:2010/BTNMT	-	-	-	**≤ 70**
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	QCVN 46 : 2022/BTNMT			TCVN 7878-2:2018

Bảng 2:

Vị trí đo	Bụi[(1)] (mg/Nm^3)	NO_2[(1)] (mg/Nm^3)	SO_2[(1)] (mg/Nm^3)	CO[(1)] (mg/Nm^3)	NH_3[(1)] (mg/Nm^3)	H_2S[(1)] (mg/Nm^3)
Khu vực đầu trại X: 11°4'13.85"; Y: 107°19'53.45"	0,22	0,056	0,060	5,87	KPH MDL=0,012	KPH MDL=0,006
Khu vực cuối trại X: 11°4'14.41"; Y: 107°19'53.72"	0,24	0,055	0,069	5,70	KPH MDL=0,012	KPH MDL=0,006
Khu vực chuồng trại 1 X: 11°4'15.24"; Y: 107°20'0.94"	0,20	0,055	0,066	5,85	KPH MDL=0,012	KPH MDL=0,006
Khu vực chuồng trại 2 X: 11°4'14.43"; Y: 107°19'52.24"	0,20	0,058	0,065	5,78	KPH MDL=0,012	KPH MDL=0,006
QCVN 05:2023/BTNMT	**≤ 0,3**	**≤ 0,2**	**≤ 0,35**	**≤ 30**	**≤ 0,2**	**≤ 0,042**
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HDPT-31-KHI CO	TCVN 5293:1995	MASA 701

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;
- *[(1)] Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn*
- *QCVN 05 : 2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí*
- *KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT

NGUYỄN THỊ HUYỀN

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

VACI VALAS 073 | ilac-MRA | VIMCERTS 286

Số: 00734/2025/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

27/06/2025

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI 3
2. **Địa chỉ** : Ấp 2, xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
3. **Ngày lấy mẫu** : 18/06/2025
4. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
5. **Loại mẫu** : Không khí môi trường lao động
6. **Kết quả đo đạc, phân tích** :

Bảng 1:

Vị trí đo	Nhiệt độ (^oC)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn (dBA)
Khu vực công nhân X: 11°4'14.59"; Y: 107°19'51.44"	31,5	64,4	0,3	61,2
QCVN 24:2016/BYT	-	-	-	**≤ 85**
QCVN 26:2016/BYT	**18 – 32**	**40 – 80**	**0,2 – 1,5**	-
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	QCVN 46 : 2022/BTNMT			TCVN 7878-2:2018

Bảng 2:

Vị trí đo	Bụi (mg/m^3)	NO_2 (mg/m^3)	SO_2 (mg/m^3)	CO (mg/m^3)	NH_3 (mg/m^3)	H_2S (mg/m^3)
Khu vực công nhân X: 11°4'14.59"; Y: 107°19'51.44"	0,24	0,060	0,069	6,01	KPH	KPH
QCVN 02:2019/BYT	**≤ 8**	-	-	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT	-	**≤ 5**	**≤ 5**	**≤ 20**	**≤ 17**	**≤ 10**
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HDPT-31-KHI CO	TCVN 5293:1995	MASA 701

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- *QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc*
- *QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc*
- *QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc*
- *QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc*
- *KPH: Không phát hiện*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT

NGUYỄN THỊ HUYỀN

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00733/2025/KQTN — 27/06/2025

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI 3
2. **Địa chỉ** : Ấp 2, xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
3. **Ngày lấy mẫu** : 18/06/2025
4. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
5. **Loại mẫu** : Không khí xung quanh
6. **Kết quả đo đạc, phân tích** :

Bảng 1:

Vị trí đo	Nhiệt độ[(1)] (°C)	Độ ẩm[(1)] (%)	Tốc độ gió[(1)] (m/s)	Tiếng ồn[(1)] (dBA)
Khu vực đầu trại X: 11°4'13.85"; Y: 107°19'53.45"	32,4	63,9	0,4	60,3
Khu vực cuối trại X: 11°4'14.41"; Y: 107°19'53.72"	32,3	63,6	0,3	60,2
Khu vực chuồng trại 1 X: 11°4'15.24"; Y: 107°20'0.94"	32,4	63,7	0,4	58,3
Khu vực chuồng trại 2 X: 11°4'14.43"; Y: 107°19'52.24"	32,3	63,5	0,4	52,7
QCVN 26:2010/BTNMT	-	-	-	**≤ 70**
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	QCVN 46 : 2022/BTNMT			TCVN 7878-2:2018

Bảng 2:

Vị trí đo	Bụi[(1)] (mg/Nm^3)	NO_2[(1)] (mg/Nm^3)	SO_2[(1)] (mg/Nm^3)	CO[(1)] (mg/Nm^3)	NH_3[(1)] (mg/Nm^3)	H_2S[(1)] (mg/Nm^3)
Khu vực đầu trại X: 11°4'13.85"; Y: 107°19'53.45"	0,22	0,056	0,060	5,87	KPH MDL=0,012	KPH MDL=0,006
Khu vực cuối trại X: 11°4'14.41"; Y: 107°19'53.72"	0,24	0,055	0,069	5,70	KPH MDL=0,012	KPH MDL=0,006
Khu vực chuồng trại 1 X: 11°4'15.24"; Y: 107°20'0.94"	0,20	0,055	0,066	5,85	KPH MDL=0,012	KPH MDL=0,006
Khu vực chuồng trại 2 X: 11°4'14.43"; Y: 107°19'52.24"	0,20	0,058	0,065	5,78	KPH MDL=0,012	KPH MDL=0,006
QCVN 05:2023/BTNMT	**≤ 0,3**	**≤ 0,2**	**≤ 0,35**	**≤ 30**	**≤ 0,2**	**≤ 0,042**
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HDPT-31-KHI CO	TCVN 5293:1995	MASA 701

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;
- *[(1)] Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn*
- *QCVN 05 : 2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí*
- *KPH: Không phát hiện* *MDL: Ngưỡng phát hiện*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3702915621 CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT T.P. THUẬN AN - T. BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN THỊ HUYỀN

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP.Bình Đáng, P.Bình Hòa, TP.Thuận An, Bình Dương
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00734/2025/KQTN 27/06/2025

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI 3
2. **Địa chỉ** : Ấp 2, xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
3. **Ngày lấy mẫu** : 18/06/2025
4. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
5. **Loại mẫu** : Không khí môi trường lao động
6. **Kết quả đo đạc, phân tích** :

Bảng 1:

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn (dBA)
Khu vực công nhân X: 11°4'14.59"; Y: 107°19'51.44"	31,5	64,4	0,3	61,2
QCVN 24:2016/BYT	-	-	-	**≤ 85**
QCVN 26:2016/BYT	**18 – 32**	**40 – 80**	**0,2 – 1,5**	-
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	QCVN 46 : 2022/BTNMT			TCVN 7878-2:2018

Bảng 2:

Vị trí đo	Bụi (mg/m^3)	NO_2 (mg/m^3)	SO_2 (mg/m^3)	CO (mg/m^3)	NH_3 (mg/m^3)	H_2S (mg/m^3)
Khu vực công nhân X: 11°4'14.59"; Y: 107°19'51.44"	0,24	0,060	0,069	6,01	KPH	KPH
QCVN 02:2019/BYT	**≤ 8**	-	-	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT	-	**≤ 5**	**≤ 5**	**≤ 20**	**≤ 17**	**≤ 10**
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HDPT-31-KHI CO	TCVN 5293:1995	MASA 701

Ghi chú : Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- *QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc*
- *QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc*
- *QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc*
- *QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc*
- *KPH: Không phát hiện*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT

NGUYỄN THỊ HUYỀN

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
ĐC: 48/2A đường Bình Hoà 13, KP. Bình Đáng, P. Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

Số: 01891/2025/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

10/12/2025

1 **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI 3

2 **Địa chỉ** : Ấp 2B, xã Xuân Bắc, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

3 **Ngày lấy mẫu** : 01/12/2025

4 **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ

5 **Loại mẫu** : Nước thải

6 **Ký hiệu và mô tả mẫu** : 251201_03NT1: Nước thải sau HTXLNT – X: 11°4'15.24"; Y: 107°20'0.94"

7 **Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu** : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 6663-14:2018 - Chất lượng nước. Lấy mẫu. phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 **Kết quả đo đạc, phân tích:**

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 62-MT:2016/ BTNMT CỘT B	Phương pháp đo đạc, phân tích
			251201_03NT1		
1.	pH[1]	-	6,82	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2.	TSS[1] [a]	mg/L	22	150	TCVN 6625:2000
3.	COD[1] [a]	mg/L	58	300	SMEWW 5220C:2023
4.	BOD_5[1]	mg/L	33	100	TCVN 6001–1:2021
5.	Tổng Nitơ[1] [a]	mg/L	28,4	150	TCVN 6638:2000
6.	Tổng Coliform[1]	MPN /100mL	$4,3x10^3$	5.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;
- *[1] Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *[a] Thông số được Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam công nhận;*
- *QCVN 62-MT:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải chăn nuôi.*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT

NGUYỄN THỊ HUYỀN

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
ĐC: 48/2A đường Bình Hoà 13, KP. Bình Đáng, P. Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

Số: 01892/2025/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

10/12/2025

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI 3
2. **Địa chỉ** : Ấp 2B, xã Xuân Bắc, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
3. **Ngày lấy mẫu** : 01/12/2025
4. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
5. **Loại mẫu** : Nước mặt
6. **Ký hiệu và mô tả mẫu** : 251201_03NM1: Nước mặt tại kênh gần công ty – X: 11°4'12.33"; Y: 107°20'0.53"
7. **Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu** : TCVN 6663-6: 2018– Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu sông và suối.
   TCVN 6663-3: 2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
   TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
   TCVN 6663-4:2020 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 4: Hướng dẫn lấy mẫu từ các hồ tự nhiên và hồ nhân tạo.
   TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.
8. **Kết quả đo đạc, phân tích** :

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT Mức B	Phương pháp đo đạc, phân tích
			251201_03NM1		
1	pH(1)	-	7,09	6 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	DO(1)	mg/L	5,94	≥5	TCVN 7325:2016
3	Độ màu(1)	Pt - Co	42	-	TCVN 6185:2015 (Phương pháp C)
4	TSS(1)	mg/L	17	≤100	TCVN 6625:2000
5	COD(1)	mg/L	45	≤15	SMEWW 5220C:2023
6	BOD_5(1)	mg/L	26	≤6	TCVN 6001-1:2021
7	Amoni (NH_4^+_N)(1)	mg/L	0,79	0,3	TCVN 6179 – 1:1996
8	Nitrat (NO_3^-_N)(1)	mg/L	1,82	-	SMEWW 4500- NO_3^- .E:2023
9	Dầu mỡ động thực vật(1)	mg/L	KPH MDL=1	-	SMEWW 5520B&F:2023
10	Tổng Coliform(1)	MPN/ 100mL	$3,5x10^3$	≤5.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;
- *(1) Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt*
- *KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện*

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT

NGUYỄN THỊ HUYỀN

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
ĐC: 48/2A đường Bình Hoà 13, KP. Bình Đáng, P. Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0274.366.2529 - Hotline: 0915.830.220 - 0974.720.797
Website: www.moitruongsaoviet.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01893/2025/KQTN 10/12/2025

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG NAI 3
2. **Địa chỉ** : Ấp 2B, xã Xuân Bắc, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
3. **Ngày lấy mẫu** : 01/12/2025
4. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
5. **Loại mẫu** : Nước dưới đất
6. **Ký hiệu và mô tả mẫu** : 251201_03NN1: Nước ngầm tại giếng khoan của trại – X: 11°4'12.49"; Y: 107°19'52.49"
7. **Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu** : TCVN 6663-11:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 11: Hướng dẫn lấy mẫu nước ngầm.
   TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
   TCVN 6663-3: 2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
   TCVN 6663-14:2018 - Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý.
   TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.
8. **Kết quả đo đạc, phân tích** :

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả 251201_03NN1	QCVN 09:2023/ BTNMT	Phương pháp đo đạc, phân tích
1.	pH[(1)(a)]	-	6,94	5,8 – 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Độ cứng (tính theo $CaCO_3$)[(1)(a)]	mg/L	76,1	500	SMEWW 2340C:2023
3.	TSS[(1)]	mg/L	KPH MDL=2	-	TCVN 6625:2000
4.	Amoni (N_NH_4^+)[(1)(a)]	mg/L	0,12	1,0	TCVN 6179 – 1:1996
5.	Clorua (Cl^-)[(1)(a)]	mg/L	<10 LOQ=10	250	TCVN 6194:1996
6.	Nitrit (N_NO_2^-)[(1)(a)]	mg/L	KPH MDL=0,004	1,0	SMEWW 4500-NO_2^-.B:2023
7.	Nitrat (N_NO_3^-)[(1)(a)]	mg/L	0,68	15	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2023
8.	Sulfua (S^{2-})[(1)(a)]	mg/L	KPH MDL=0,014	-	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2023
9.	Tổng Coliform[(1)]	MPN/ 100mL	KPH MDL=2	3	SMEWW 9221B:2023
10.	E. Coli[(1)]	MPN/ 100mL	KPH MDL=2	Không phát hiện	SMEWW 9221B&F:2023

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;
- *(1) Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;*
- *(a) Thông số được Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam công nhận;*
- *QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.*
- *KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện LOQ: Ngưỡng định lượng*

PHÒNG THỬ NGHIỆM **GIÁM ĐỐC**

TRẦN THỊ THÙY NHUNG **NGUYỄN THỊ HUYỀN**